

HƯƠNG ƯỚC - SẢN PHẨM VĂN HÓA LÀNG

(Xét từ một số bản hương ước, khoán ước ở Trị Thiên - Huế)

BÙI THỊ TÂN

Hương ước - phần lệ làng thành văn đã tồn tại khá phổ biến trong làng xã ngày trước với các tên gọi khác nhau. Đối với mỗi làng xã, hương ước khoán ước có vai trò như một cương lĩnh tinh thần và xã hội. Bộ máy quản lý làng dựa vào đó để điều hành mọi hoạt động của một làng xã. Hương ước của làng nào cũng do các bậc có học vấn (đương thời là các nhà nho) thay mặt tầng lớp chức sắc, hương lão, bình dân của làng soạn thảo. Nó được chính nhà nước phong kiến thừa nhận. Nó tồn tại song song với pháp luật của nhà nước nhưng không hoàn toàn đối lập với pháp luật. Nội dung của mỗi bản hương ước đề cập đến những vấn đề cụ thể, chi tiết phù hợp với mọi yêu cầu, đặc điểm truyền thống của từng vùng quê - những vấn đề mà hầu như luật lệ của nhà nước thời ấy không đề cập tới. Hương ước hay điều lệ của mỗi làng đều chứa đựng và kết tinh trong đó những truyền thống của một cộng đồng được cố kết với nhau trong những hoàn cảnh lịch sử, xã hội và điều kiện địa lý, sinh thái tự nhiên nhất định. Vì vậy, hương ước cũng là sản phẩm của văn hóa làng, là sự thể hiện sinh động và khá đầy đủ nếp sống của các đơn vị kinh tế-văn hóa cơ sở. Chúng tôi xin giới thiệu nội dung chính một số bản hương ước, khoán ước, hội ước của một số làng xã ở Trị Thiên - Huế (mới được phát hiện) với tinh thần ấy.

So với đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, làng xã ở Trị Thiên - Huế hình thành và ổn định muộn hơn, có lẽ vì vậy mà các bản hương ước thành văn của các làng cũng xuất hiện muộn. Mặc dầu đã bị mất mát rất nhiều sau ba mươi năm chiến tranh và thiên tai, những hương ước hiếm hoi còn lại trên thực địa rất đáng được sưu tập lại làm cơ sở cho việc nghiên cứu về làng và văn hóa làng. Cho

đến nay, bản khoán ước có niên đại sớm nhất chúng tôi đọc được là “Vĩnh nghiệp điền thổ khoán” của làng Phúc Kinh (xã Hải Hòa - Hải Lăng - Quảng Trị) làm vào thượng tuần tháng 6 năm Giáp Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng (1774). Ở làng Cầu Hoan (xã Hải Thiện - Hải Lăng) tài liệu cho biết từ các thế kỷ trước làng xã đã có hương ước thành văn, nhưng nay đã bị thất lạc. Sang thế kỷ XIX, Cầu Hoan nhiều lần soạn thảo các bản điều ước, hội ước, nhằm bổ sung hương ước trên từng lĩnh vực riêng như: “Những điều ước về đình điền” (1866); “Hội ước quy định lễ mừng và phúng điếu các bậc khoa bảng, chức sắc” (1859); bản Hội định quan hàm phương danh (1863). Bản bổ sung hương ước làm năm 1865 và bản năm 1867. Bản hương ước của làng Phù Bài (Thủy Phù, Hương Thủy, Thừa Thiên - Huế) không còn nguyên vẹn nên không biết chính xác niên đại. Tuy nhiên, nội dung các điều khoản của hương ước cho biết nó ra đời vào khoảng thế kỷ XIX. Đóng kèm theo hương ước còn có một số quy ước về việc bảo vệ rừng cây, các công trình thủy lợi, đình chùa, miếu võ trong làng vào các năm nửa sau thế kỷ XIX và đầu XX. Bản điều lệ của làng Dã Lê Thượng (Thủy Phương - Hương Thủy) làm năm Duy Tân thứ 6 (1911) gồm 24 điều khoản quy định nhiều mặt của đời sống làng quê.

Hình thức và nội dung của mỗi bản lệ làng có những điều khoản cụ thể và chi tiết khác nhau tùy thuộc vào nếp sống, những yêu cầu của chính đời sống làng quê đó đặt ra. Dù sao, giữa những hương ước khác nhau của các làng khác nhau này vẫn có một mẫu số chung nào đó, trước hết là về mặt nội dung.

1. Những quy định về ruộng đất

Đến giữa thế kỷ XIX, hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị, ruộng đất công làng xã còn

tồn tại phổ biến và chiếm một tỉ lệ lớn hơn ruộng đất tư rất nhiều. Vì thế, một trong những nội dung quan trọng nhất mà các bản lệ làng thường đề cập là những điều khoản quy định việc bảo vệ ruộng đất công, phương thức (phân phối, và sử dụng nó. Tuy nhiên, ở nhiều nơi lại có những điều rất cụ thể. Chẳng hạn, tại làng Phúc Kinh, cho đến năm 1774 (khi lập bản khoán ước này) toàn bộ đất đai trong làng là của công, dân chỉ nhờ vào những khẩu phần công điền để cày cấy - nộp thuế. Thế nhưng “ruộng đất tốt ở nơi tiện canh tác đều đã bị các quan lại, viên chức chiếm trước, đến hạng dân đinh thường phải nhận những phần ruộng đất đá sỏi, hoang vu, cày cấy không đủ nộp thuế” (1). Sự ra đời của bản khoán ước làng Phúc Kinh trước hết nhằm giải quyết vấn đề cấp thiết này. “Vĩnh nghiệp điền thổ khoán” quy định “Lấy một phần ruộng đất công ở nơi xấu chia đều cho mọi người dân lớp dưới để họ được làm chủ đời đời, cha truyền con nối, anh chết em thay, khuyên nhau cày cấy chuyên cần để số ruộng đất đá sỏi, cằn cỗi ấy trở nên ruộng tốt” (2). Đồng thời có những quy định cấm mua bán hẳn ruộng đất vĩnh nghiệp và hình thức xử phạt những người vi phạm.

Từ khi Huế được chọn làm kinh đô, Thừa Thiên trở thành đất kinh kỳ, các làng xã ở đây và cả Quảng Trị là nơi cung cấp lương binh lính đông đảo. Ở mỗi làng, tỉ lệ binh lính và đội ngũ chức sắc chiếm rất lớn (3). Theo phép quân điền ban hành thời Gia Long, sau này Minh Mạng, Tự Đức có sửa đổi, công điền ở các làng phải dành ưu tiên trước hết cho đối tượng này. Không ít dân đinh các xã xin đăng lính để được hưởng các điều khoản này. Đó là gánh nặng cho làng xã, đụng đến quyền lợi cơ bản của tầng lớp dân thường. Vì vậy, hương ước của các làng Câu Hoan, Dã Lê Thượng đều có các điều khoản nghiêm cấm và trừng phạt nặng những người “tự ý lên lút xin vào lính”. Điều khoản thứ tư bản bổ sung hương ước làng Câu Hoan làm năm 1865 ghi: “... Nếu tự ý lên lút xin vào lính thì tộc trưởng họ ấy sẽ bị trách cứ, phạt và tiền 20 quan. Số tiền ấy sẽ chi vào việc làng,

bắt buộc phải về” (4). Điều lệ làng Dã Lê Thượng cũng quy định xử phạt rất nặng những người lên lút xin vào lính và cả lý trưởng nếu tự kỷ thông đồng làm việc này (5). Vấn đề đặt ra ở làng Phù Bài lại khác, năm Tự Đức thứ 6 (1853) xã phải làm đơn trình Phủ Doãn cho ý kiến về việc quân cấp ruộng đất cho công bằng, tránh hiện tượng cấp lương điền trước rồi mới cấp cho dân sau. Hương ước của làng ghi: “Răn từ viên chức, viên lính, các hạng dân phải làm theo công bằng chính trực, không để cho con cháu làm nhùng.... Không thể tùy tiện tư cấp... Thủ khoán phải giữ cho đúng những điều luật đã định trong phép tắc. Lương điền có chỗ cao, chỗ thấp, chỗ tốt, chỗ xấu, tùy theo tuổi tác mà quân cấp không được làm rối loạn. Nếu ai phạm thì cũng phải nhận lấy tội lỗi” (6). Trong lịch sử, sự phân chia đẳng cấp và phân hóa giai cấp ở nông thôn vào các thế kỷ VXIII - XIX đã rất sâu sắc. Làng quê trở thành nơi lũng đoạn của những kẻ có chức, có quyền. Ruộng đất công làng xã biến thành công cụ trong tay để chúng thao túng, chèn ép và bóc lột dân nghèo. Nhà nước trung ương và chính quyền cấp trên không thể giải quyết được. Nội bộ từng làng xã tự đấu tranh và tìm cách điều tiết. Hương ước cũng có những điều khoản nhằm giải quyết vấn đề này. Các hành động xâm phạm đến ruộng đất công đều bị làng xử phạt, nhất là những người thi hành nhiệm vụ phân phối (7).

Ruộng đất công không phải dành tất cả cho các hạng dân cày cấy mà một phần khá lớn được trích ra chi cấp cho mọi sinh hoạt chính trị, văn hóa xã hội ở mỗi làng. Chính đây là vấn đề các hương ước đề cập nhiều nhất, không làng nào giống làng nào và thường cụ thể, chi tiết cho từng đối tượng, số lượng, cách sử dụng và thậm chí quy thành giá tiền luôn (8). Điều này nhà nước hoàn toàn không can thiệp tới.

2. Những quy ước liên quan đến sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo và quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế của các làng xã trước đây. Vì vậy, quan tâm đến sản

xuất nông nghiệp là chăm lo đến đời sống của mỗi gia đình và cả cộng đồng. Hương ước của làng nào cũng thể hiện tinh thần khuyến nông tập trung nhất là việc xây dựng, bảo vệ các công trình thủy lợi, bảo vệ sinh thái tự nhiên và môi trường, khuyến khích các thành viên cày cấy hết diện tích, nghiêm cấm việc bỏ ruộng hoang... Hương ước mỗi làng có những điều khoản cụ thể, chi tiết khác nhau. Chẳng hạn, bản bổ sung hương ước làng Câu Hoan ghi: “Các khe ngòi, ao đầm trong xã thường năm bị ách tắc, nước chứa trên thượng nguồn không được lưu thông. Nay đặt ra lệ cứ hàng năm đến tháng 6 các vị hương lão, lý dịch đốc xuất dân phu chiếu theo từng địa thế, có đoạn nào bị ách tắc, sục lở đều bồi đắp và khơi ngòi để nước chảy thông suốt, cầu cống, đường sá cũng được tu bổ, đắp sửa kiên cố. Đó là việc thường năm phải làm” (9). Các điều khoản tiếp theo quy định về đắp đê, đập giữ nước, bảo vệ rừng cây chắn gió và đặt lệ phạt tiền, đánh roi những người vi phạm các điều trên. Sinh tụ trên địa bàn có khí hậu khắc nghiệt, bão tố, lụt lội, hạn hán và gió chướng xảy ra thường xuyên, để hạn chế sự tàn phá của thiên tai, nhân dân các làng rất chú ý bảo vệ sinh thái tự nhiên và tích cực trồng lũy cây chắn gió, cát. Đây cũng là một loại công trình công cộng thường được các làng quy định chặt chẽ việc bảo vệ, nghĩa vụ tu bổ hàng năm. Lệ làng Phù Bài ghi: “Người nào vào rừng chặt cây từ một nhánh trở lên... bị phạt 8 quan và bị đánh đòn 40 roi, người giữ rừng nếu bao che đều bị đòn”. (10). Còn ở Câu Hoan: “Hàng năm đến rằm tháng giêng, trưởng lão 4 giáp và dân đinh đều tu đắp cột thành huyền võ để cho cây cỏ tốt tươi, dân ở yên ổn...” (11).

Bằng những biện pháp thiết thực này, lệ làng đã từng đóng vai trò không nhỏ đến việc thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và nhất là việc bảo vệ sinh thái tự nhiên của mỗi làng.

3. Những quy ước liên quan đến đời sống chính trị, xã hội và vấn đề giáo dục

Đời sống chính trị, xã hội ở làng quê thuở trước đa dạng, phức tạp chông chéo và đan

xen vào nhau biết bao mối quan hệ. Những quy ước của các làng về vấn đề này bao hàm những nội dung cụ thể rất khác nhau. Hương ước làng Phù Bài, điều lệ làng Dã Lê Thượng đều có những quy định về cách làm việc của bộ máy hành chính - những người trực tiếp điều hành công việc làng xã khi ấy. Chuẩn mực cao nhất, điều mà cộng đồng yêu cầu trước tiên ở bất cứ người “chức việc” nào là đức độ, sự cần mẫn và trung thực trong công việc. Những hành động gian lận, xâm phạm công quỹ đều bị phạt nặng. Điều mà các bản hương ước đề cập là sự phân chia địa vị, ngôi thứ, việc phân biếu, khao vọng, lễ mừng... Riêng làng Câu Hoan, vài chục năm giữa thế kỷ XIX đã liên tục cho ra đời các bản hội ước, bổ sung hương ước quy định riêng về lễ khao vọng, lễ mừng đối với các vị quan chức, khoa bảng. Đáng lưu ý là sự ra đời của bản “Hội định quan hàm phương danh”. Đó là sự phản ánh tập trung nhất về địa vị của tầng lớp có bằng sắc, phẩm hàm trong làng xã. Nó vừa biểu hiện tư tưởng địa vị, chức tước, phân tầng đẳng cấp trong đời sống làng quê, đồng thời những tập tục thể hiện quyền lực của cộng đồng làng xã. Làng trọng vọng đề cao bậc có danh vị, chức tước, người có công với làng. Khi sống, các vị được hưởng quyền ưu tiên về vật chất và tinh thần, khi chết được thờ cúng, được ghi vào “sổ vàng danh dự” của làng... Nhưng phải thực hiện nghĩa vụ đối với làng, tối thiểu là làm lễ “khai tiền” và “nap lễ”... Giáo dục các thành viên giữ gìn nếp sống làng quê, thuần phong mỹ tục là một trong những nội dung lớn quan trọng của hầu hết các bản hương, khoán ước. Mỗi cá nhân đều sống dưới sự giám sát của tập thể gia đình, họ hàng, các tổ chức nhóm phường mà họ là thành viên. Từ ăn, mặc, đi lại, nói năng, thăm hỏi, hội họp, cho đến nghĩa vụ đối với gia đình, họ hàng, làng xóm, đến sinh đẻ, ma chay, cưới xin, giỗ tết, cúng bái... tất cả đều được quy định chặt chẽ, tỉ mỉ bởi hương ước, tập quán. Tổ chức làng xã là một tổ chức giáo dục và quản lý con người rất chặt - quản lý có tính chất tập thể. Đó là vấn đề giáo dục tinh thần và ý thức lao động nhằm rèn luyện các thế hệ con em trở thành

những người sống có lao động, tình thương và trọng đạo lý. Chẳng hạn, lệ làng Phúc Kinh nêu mục tiêu: “Chúng ta mỗi người cần có một cái nghề cốt lõi để sinh sống và ai cũng phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Là kẻ sĩ thì phải chăm chỉ học hành... cố chịu cảnh thanh bần để chờ mệnh. Người làm nông phải kiệt sức với đồng ruộng... Nghề thợ nên có công cụ sắc bén, luôn luôn trau dồi nghề nghiệp, sáng chế ra những đồ tinh xảo. Còn những kẻ đi buôn... không nên chạy theo bọn buôn gian bán lận, không nên theo đòi bọn tụ tập cờ bạc, rượu chè say sưa không lo học hỏi nâng cao nghề nghiệp căn bản của mình để mang tiếng xấu cho xóm làng...” (12).

Trong quan hệ ứng xử giữa con người với nhau, lòng nhân ái, vị tha, tình thương yêu đùm bọc luôn được đề cao. Nhiều điều ước, quy định được đặt ra nhằm xây dựng, củng cố khối cộng đồng làng xã, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau theo truyền thống của lối sống “cộng cư, cộng cảm” lâu đời của dân tộc. Làng đặt mục tiêu phấn đấu cho các thành viên của mình: “Sống với nhau phải cố gắng giữ mỗi hòa thuận, kính già, yêu trẻ, thương kẻ côi cút, tật nguyền, giúp nhau khi đau yếu, cứu nhau khi hoạn nạn. Chớ khinh người nghèo hèn, yếu đuối. Luôn giữ mình trong sạch, chớ nên làm những điều lợi mình, hại người và phải cần kiệm...” (13). Đây quả là nguyện vọng hết sức tốt đẹp, trong sáng của những người dân làng quê chất phác hồn nhiên. Rèn luyện được các thể hệ thành viên theo tinh thần ấy là lý tưởng cho mọi thời đại, và cho đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa. Các làng Dã Lê Thượng, Cầu Hoan đều đặt lệ mừng thọ, phúng điếu các cụ phụ lão từ 70 tuổi trở lên, đặt ruộng dưỡng lão, có nhi, quả phụ điền cấp cho các đối tượng trên, tỏ rõ tinh thần tương trợ của cộng đồng. Để giữ gìn thuần phong mỹ tục, xây dựng nếp sống lành mạnh, trong sạch, bảo đảm cuộc sống bình an cho mọi nhà, hương ước các làng thường quy định phạt rất nặng những kẻ trộm cắp, cờ bạc, rượu chè, trai gái.. Khoản ước làng Phúc Kinh ghi: “Để răn những kẻ chuyên nghề trộm

cắp, từ nay (1774) trở đi nếu người nào phạm phải sẽ bị thu hồi ruộng đất vĩnh nghiệp, tái phạm sẽ bị thu toàn bộ ruộng đất. Nếu không hối cải phạm quá 3 lần thì bị trục xuất ra khỏi làng...” (14). Đối với những người “... lên lút cờ bạc... thì sẽ bị đánh 20 roi đau và thu tiền phạt vạ 1 quan... những kẻ chứa chấp cờ bạc sẽ bị thu tiền đánh phạt 10 quan...” (15).

Tinh thần khuyến học, chăm lo đến việc học của con em trong làng xã cũng là nội dung các hương ước thường đề cập. Tùy vào hoàn cảnh cụ thể, mỗi làng có cách quan tâm và biện pháp khác nhau. Việc dạy dỗ con em được đặt ra từ tuổi ấu thơ và theo đúng khuôn phép đạo đức của tư tưởng đang thống trị thời đại - nho giáo... con trai từ 7, 8 tuổi nên dạy ở bậc tiểu học lấy trung, hiếu làm đầu”. Làng Cầu Hoan đặt 6 mẫu ruộng học để “dùng vào việc rước thầy dạy cho lứa tuổi học trò trong vòng 3 năm đầu để cho học trò có trình độ khóa sinh”. Học trò nghèo chăm học được làng trợ cấp, đi thi được cấp tiền gạo làm lộ phí nhằm giúp họ chú tâm vào “đèn sách” và ứng thi thành đạt. Tinh thần cộng đồng, tư tưởng “làng ta” được thể hiện rất rõ trong niềm vinh dự khi đón rước bậc khoa bảng “vinh quy bái tổ”. Các làng Dã Lê Thượng, Cầu Hoan đặt lệ mừng, thưởng tiền và ruộng đất xứng đáng cho những người đỗ đạt, mang vinh dự cho làng...

Tóm lại, hương ước khoán ước chủ yếu là lệ làng, buộc các thành viên phải tuân thủ. Hương ước gắn bó các thành viên trong một cộng đồng tương đối chặt chẽ và tự nguyện, lệ thuộc lẫn nhau, phục tùng làng xã. Hương ước đã đóng vai trò đáng kể trong việc điều tiết các mối quan hệ vốn đa dạng, phức tạp và nhiều chiều ở làng quê thời phong kiến. Nó là sản phẩm của nếp sống làng quê nhưng qua hương ước, mỗi cộng đồng làng xã lại củng cố và xây dựng cộng đồng văn hóa của mình. Hơn nữa thế kỷ qua làng xã cũ đã thay đổi nhiều, hương ước của các làng căn bản bị xóa bỏ cùng với thể chế phong kiến. Tuy nhiên, cái gọi là lệ làng chưa mất hẳn, nó

(Xem tiếp trang 68)